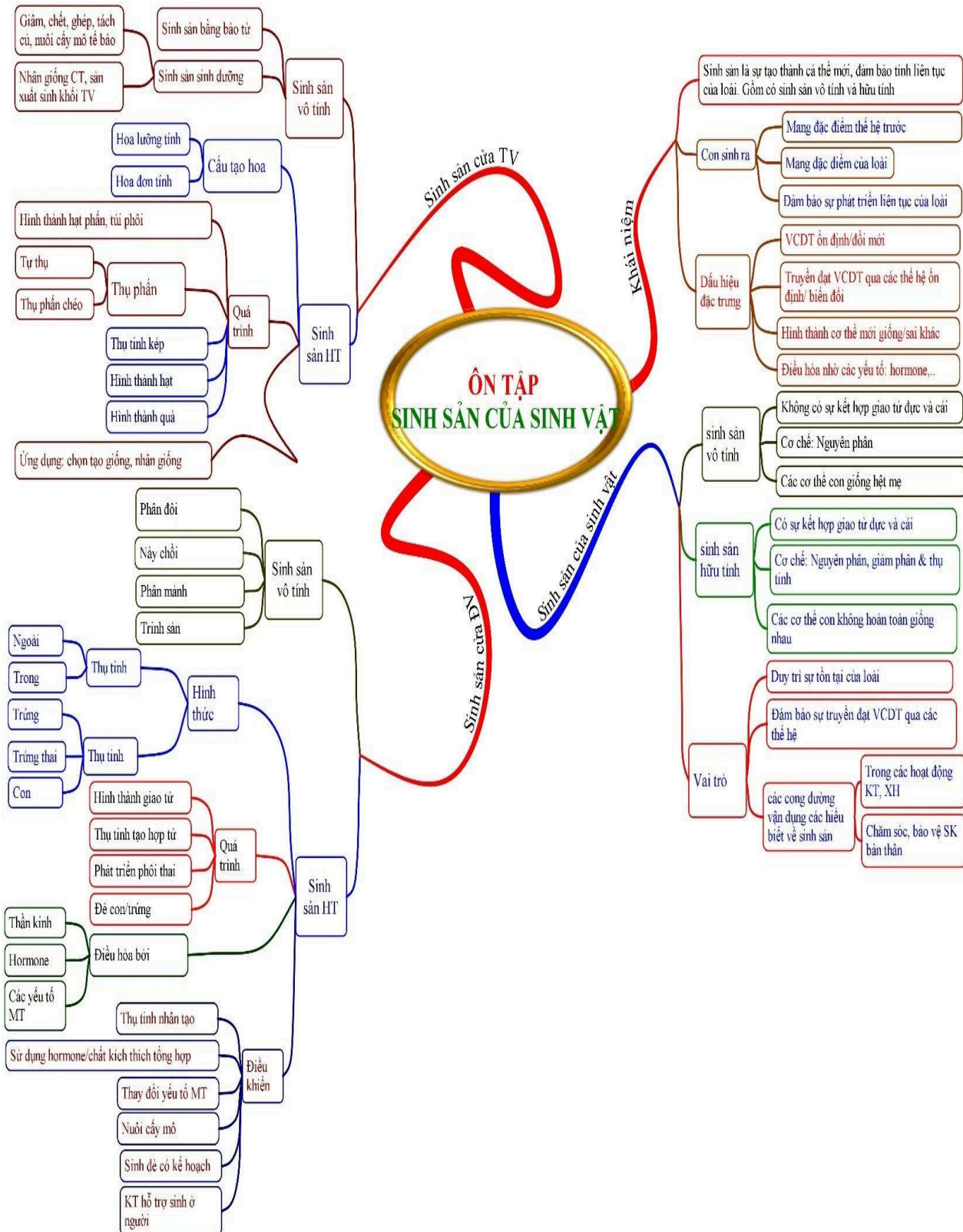


# **ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II - SINH 11** **NĂM HỌC 2025 - 2026**

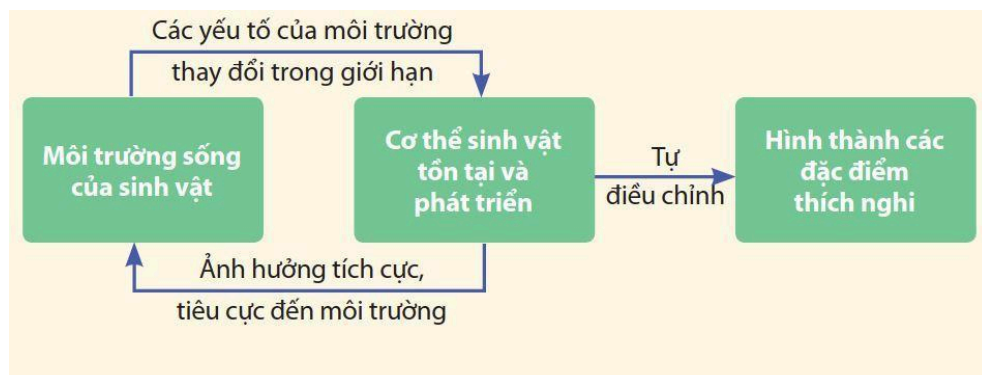
## **I. LÝ THUYẾT**

### **1. Sinh sản ở sinh vật**



### **2. Cơ thể là một thể thống nhất**

| Các quá trình sinh lí       | Chức năng                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Mối quan hệ giữa các quá trình sinh lí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|-----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Tiêu hóa</b>             | Lấy thức ăn, tiêu hóa thực phẩm sau đó chuyển hóa thành năng lượng và chất dinh dưỡng                                                                                                                                                                                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan tiêu hoá lấy thức ăn, nước uống từ môi trường để tạo ra các chất dinh dưỡng và thải ra phân.</li> <li>- Cơ quan hô hấp lấy <math>O_2</math> từ bên ngoài vào và thải ra khí <math>CO_2</math>.</li> <li>- Cơ quan tuần hoàn nhận chất dinh dưỡng và <math>O_2</math> đưa đến tất cả các cơ quan của cơ thể và thải khí <math>CO_2</math> vào cơ quan hô hấp.</li> <li>- Cơ quan bài tiết thải ra nước tiểu và mồ hôi.</li> </ul> |
| <b>Hô hấp</b>               | Lấy $O_2$ từ bên ngoài vào để ôxi hóa các chất trong tế bào và giải phóng năng lượng cho các hoạt động sống, đồng thời thải $CO_2$ ra ngoài                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| <b>Tuần hoàn</b>            | Vận chuyển các chất từ bộ phận này đến bộ phận khác để đáp ứng cho các hoạt động sống của cơ thể                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| <b>Bài tiết</b>             | Quá trình mà chất thải trao đổi chất được loại bỏ ra khỏi một sinh vật                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| <b>Vận động</b>             | Vận động và di chuyển                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| <b>Dẫn truyền thần kinh</b> | Dẫn truyền xung thần kinh là hoạt động hóa học, gây ra bởi sự giải phóng các chất dẫn truyền thần kinh đặc hiệu khỏi đầu mút tận cùng dây thần kinh. Các chất dẫn truyền thần kinh khuếch tán qua khe synapse và gắn với các thụ thể đặc hiệu trên tế bào thần kinh liên kế hoặc tế bào đích |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |



**Hình 27.4.** Cơ thể là hệ thống mở và tự điều chỉnh

## II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

### BÀI 19: Các nhân tố ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển động vật

**Câu 1:** Nhận định nào dưới đây về ảnh hưởng của yếu tố di truyền đến sinh trưởng và phát triển ở động vật là **không** đúng?

- A. Hệ gene quy định hiệu quả chuyển đổi thức ăn, tốc độ, giới hạn và thời gian sinh trưởng, phát triển.
- B. Hệ gene quy định đặc điểm sinh học đặc trưng cho loài như kích thước, khả năng kháng bệnh,...
- C. Các gene điều khiển các quá trình sinh trưởng, phát triển ở động vật bắt đầu biểu hiện từ giai đoạn trưởng thành.
- D. Sự ảnh hưởng của hệ gene đến sinh trưởng và phát triển ở động vật được điều chỉnh bởi các yếu tố phiên mã đặc hiệu.

**Câu 2:** Sự sinh trưởng và phát triển ở côn trùng được điều hoà bởi hormone nào?

- A. Testosterone và estrogen.

**B.** Ecdysteroid và juvenile.

**C.** Thyroxine và GH.

**D.** Allata và cardiaca.

**Câu 3:** Nhận định nào dưới đây về ảnh hưởng của nhân tố bên ngoài đến sinh trưởng và phát triển ở động vật là **không** đúng?

**A.** Sự ảnh hưởng của các nhân tố bên ngoài đến sinh trưởng và phát triển ở động vật thông qua tác động đến hoạt động của hệ thần kinh và các tuyến nội tiết.

**B.** Tốc độ sinh trưởng và phát triển của động vật chịu ảnh hưởng bởi chế độ dinh dưỡng,...

**C.** Những tác nhân gây bệnh trong không khí hoặc thức ăn như virus, vi khuẩn, nấm, động vật nguyên sinh kìm hãm quá trình sinh trưởng và phát triển ở động vật.

**D.** Khi nhiệt độ môi trường quá cao hoặc quá thấp sẽ làm tăng tiêu thụ thức ăn và hấp thụ chất dinh dưỡng ở động vật.

**Câu 4:** Những thay đổi sinh lí ở lứa tuổi dậy thì là do nồng độ hormone nào tăng cao?

**A.** Thyroxine.

**B.** GH.

**C.** Testosterone và estrogen.

**D.** PTH.

**Câu 5:** Để ngăn chặn khả năng sinh sản của côn trùng gây hại, người ta sử dụng một hormone ức chế quá trình biến thái thành con trưởng thành. Đó là hormone nào?

**A.** Ecdysteroid.

**B.** PTH.

**C.** GH.

**D.** Juvenile.

**Câu 6:** Nối tên hormone với chức năng phù hợp.

| Hormone         | Chức năng                                                               |
|-----------------|-------------------------------------------------------------------------|
| (a) Ecdysteroid | (1) Kích thích quá trình trao đổi chất                                  |
| (b) Juvenile    | (2) Kích thích tuyến ngực trước tiết ecdysteroid                        |
| (c) Thyroxine   | (3) Gây lột xác, kích thích hoá nhộng và hoá bướm                       |
| (d) PTH         | (4) Kích thích phân chia tế bào, tổng hợp protein                       |
| (e) GH          | (5) Kích thích sinh trưởng và phát triển mạnh ở giai đoạn dậy thì ở nữ  |
| (g) Testosteron | (6) Ổn định độ cao ức chế sự biến thái                                  |
| (h) Estrogen    | (7) Kích thích sinh trưởng và phát triển mạnh ở giai đoạn dậy thì ở nam |

## Bài 20: KHÁI QUÁT VỀ SINH SẢN Ở SINH VẬT

### PHẦN I: CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

**Câu 1.** Nội dung nào phù hợp với khái niệm sinh sản?

**A.** Sinh sản là sự tăng khối lượng và kích thước cơ thể.      **B.** Sinh sản là sự tăng lên về số lượng cá thể.

**C.** Sinh sản là tạo ra những cơ quan mới.      **D.** Sinh sản là sự tăng lên về số lượng loài sinh vật.

**Câu 2.** Sinh sản vô tính là hình thức sinh sản

**A.** cần 2 cá thể.

**B.** không có sự hợp nhất giữa giao tử đực và giao tử cái

**C.** có sự hợp nhất giữa giao tử đực và giao tử cái.

**D.** chỉ cần giao tử cái

**Câu 3.** Sinh sản hữu tính là gì?

**A.** Hình thức sinh sản có sự kết hợp của cả giao tử đực và giao tử cái để tạo thành hợp tử

**B.** Hình thức sinh sản có sự kết hợp của 2 giao tử cái và giao tử cái để tạo thành hợp tử

**C.** Hình thức sinh sản có sự kết hợp của 2 giao tử đực và 2 giao tử cái để tạo thành hợp tử

**D.** Hình thức sinh sản có sự kết hợp của 2 giao tử đực và 1 giao tử cái để tạo thành hợp tử

**Câu 4.** Ưu điểm của sinh sản hữu tính hơn sinh sản vô tính

**A.** giữ nguyên đặc tính của cơ thể mẹ ban đầu.

**B.** tạo ra sự đồng nhất của những cơ thể tạo ra

**C.** tạo ra sự đa dạng sinh vật giúp thích nghi tốt hơn

**D.** luôn tạo ra những cá thể tốt hơn những cơ thể mẹ ban đầu

**Câu 5.** Trong các hình thức sinh sản dưới đây, đâu không phải ví dụ về sinh sản vô tính?

**A.** Sinh sản bằng bào tử của rêu.

**B.** Sinh sản bằng hạt ở cây lúa.

**C.** Sinh sản bằng củ ở gừng

**D.** Sinh sản bằng thân rễ ở cây rau má.



C. hai bộ NST đơn bội của giao tử đực và giao tử cái (trứng) trong túi phôi tạo thành hợp tử có bộ NST lưỡng bội

D. hai tinh tử với trứng ở trong túi phôi

**Câu 9.** Sinh sản vô tính ở thực vật là cây non được sinh ra mang đặc tính

A. giống cây mẹ, có sự kết hợp giữa giao tử đực và giao tử cái.

B. giống cây mẹ, không có sự kết hợp giữa giao tử đực và giao tử cái.

C. giống bố mẹ, có sự kết hợp giữa giao tử đực và giao tử cái.

D. giống và khác cây mẹ, không có sự kết hợp giữa giao tử đực và giao tử cái.

**Câu 10.** Ý nghĩa sinh học của hiện tượng thụ tinh kép ở thực vật hạt kín là:

A. tiết kiệm vật liệu di truyền (do sử dụng cả hai tinh tử để thụ tinh)

B. hình thành nội nhũ cung cấp chất dinh dưỡng cho phôi phát triển

C. hình thành nội nhũ chứa các tế bào tam bội

D. cung cấp chất dinh dưỡng cho sự phát triển của phôi và thời kì đầu của cá thể mới

**Câu 11.** Muốn ghép cành đạt hiệu quả cao thì phải cắt bỏ hết lá ở cành ghép. Mục đích chính của việc cắt bỏ hết lá là để:

A. Tập trung nước nuôi các cành ghép

B. Tránh gió mưa làm bay cành ghép

C. Loại bỏ sâu bệnh trên cành ghép

D. Tiết kiệm chất dinh dưỡng cung cấp cho lá

**Câu 12.** Quả được hình thành từ bộ phận nào của hoa?

A. Đài hoa.

B. Tròng hoa.

C. Nụ hoa.

D. Bầu nhụy.

**Câu 13.** Điều không đúng khi nói về quả là:

A. quả do bầu nhụy dày sinh trưởng lên chuyển hóa thành.

B. quả không hạt đều là quả đơn tính.

C. quả có vai trò bảo vệ hạt.

D. quả có thể là phương tiện phát tán hạt.

**Câu 14.** Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng về sinh sản vô tính ở thực vật?

I. Cây con được tạo ra từ các bộ phận sinh dưỡng của cây mẹ (củ, thân, rễ, lá, ...) vì vậy cây con thường giống nhau và giống với cây mẹ.

II. Cây con có bộ gene giống cây mẹ.

III. Đảm bảo cho thực vật luôn duy trì được kiểu gene thích nghi với mọi điều kiện môi trường sống thay đổi.

IV. Hình thức sinh sản này có lợi thế trong điều kiện môi trường thường xuyên thay đổi.

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

**Câu 15.** Trong nông nghiệp, người ta đã áp dụng những phương pháp sau đây để nhân giống, có bao nhiêu biện pháp đúng?

I. Giâm cành: mía, khoai lang, sắn dây, dâu tằm,...

II. Chiết cành: cam, quýt, chanh, bưởi,...

III. Ghép cành: Xoài cát ghép với xoài tượng, Cây táo chua ghép với táo ngọt,...

IV. Nuôi cấy mô tế bào thực vật: Nhân giống việt quất bằng nuôi cấy mô dưới ánh sáng nhân tạo,...

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

**Câu 16.** Khi nói đến quá trình hình giao tử cái/túi phôi ở thực vật có hoa. Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

I. 1 tế bào mẹ ( $2n$ ) trong bầu nhụy thực hiện giảm phân tạo thành 4 tế bào con.

II. 1 tế bào mẹ ( $2n$ ) trong bầu nhụy giảm phân  $\rightarrow$  4 tế bào con qua nguyên phân  $\rightarrow$  4 giao tử cái.

III. 1 tế bào mẹ ( $2n$ ) trong bầu nhụy giảm phân  $\rightarrow$  4 tế bào, chỉ có 1 tế bào lớn qua nguyên phân 4 lần  $\rightarrow$  1 túi phôi (7 tế bào – 8 nhân, nên sẽ có 1 tế bào có nhân  $2n$ )

IV. 1 tế bào mẹ ( $2n$ ) trong bầu nhụy giảm phân  $\rightarrow$  4 tế bào, chỉ có 1 tế bào lớn qua nguyên phân 3 lần  $\rightarrow$  1 túi phôi (7 tế bào – 8 nhân, nên sẽ có 1 tế bào có nhân  $2n$ )

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

**Câu 17.** Hoa đực không có bộ phận nào sau đây?

A. bộ nhụy

B. bộ nhị.

C. đế hoa.

D. đài hoa.

### PHẦN III. CÂU HỎI ĐÚNG SAI

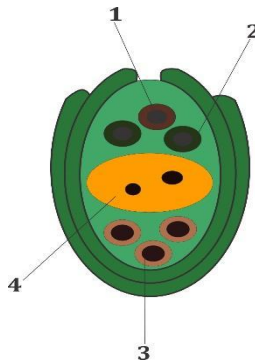
**Câu 1.** Hình trên mô tả kĩ thuật nhân giống vô tính của thực vật, mỗi nhận định sau đây là Đúng hay Sai khi nói về kĩ thuật này ?



### Ý Mệnh đề

- Hình A mô tả kĩ thuật ghép cành, Hình B mô tả kĩ thuật ghép mắt.
- Cây cho cành ghép và cây cho mắt ghép thường là cây có các tính trạng tốt, năng suất cao, chống chịu tốt với môi trường.
- Nếu tiếp tục lấy cây 1 và cây 2 làm giống cho các lần ghép tiếp theo thì các cây con vẫn tiếp tục giữ được các tính trạng tốt của cây mẹ ban đầu.
- Các bệnh trên cây mẹ, nhất là do virus có thể lây qua cây con qua nhiều thế hệ.

**Câu 2.** Hình dưới mô tả túi phôi ở thực vật có hoa, hãy cho biết mỗi nhận định sau đây Đúng hay Sai ?



### Ý Mệnh đề

- Các số chú thích là: (1) Tế bào kèm, (2) trứng, (3) tế bào đối cực, (4) noãn lưỡng cực,
- Kết quả của túi phôi xảy ra các lần phân bào gồm giảm phân một lần và nguyên phân 3 lần.
- Số (1) là nhân lưỡng cực kết hợp với tinh tử đực tạo thành hợp tử  $2n$ .
- Tinh tử kết hợp với nhân lưỡng cực (4) tạo thành nhân tam bội ( $3n$ )

### PHẦN III: CÂU HỎI NGẮN

**Câu 1.** Có bao nhiêu loại hình thức sinh sản cơ bản?

**Câu 2.** Trong các loại hình thức sinh sản sau đây, có bao nhiêu hình thức thuộc sinh sản vô tính?

1. Sinh sản sinh dưỡng; 2. Thụ phấn; 3. Sinh sản bằng bào tử; 4. Trinh sinh; 5. Giao phấn. 6. Nuôi cấy mô

**Câu 3.** Trong các loài sau, các loài nào có hình thức sinh sản bằng bào tử?

1. cây ăn quả; 2. cây thủy sinh; 3. cỏ; 4. Rêu; 5. dương xỉ

### Bài 22: SINH SẢN Ở ĐỘNG VẬT

**Câu 1.** Trinh sinh là hình thức sinh sản mà:

- cơ thể mới phát triển từ trứng không được thụ tinh.
- một cá thể mẹ phân đôi thành hai cá thể có kích thước gần bằng nhau.
- cơ thể mới phát triển từ mảnh tách ra từ cơ thể mẹ.
- chồi mọc ra từ cơ thể mẹ, lớn dần lên, sau đó tách ra thành cơ thể mới.

**Câu 2.** Điều không đúng với sinh sản vô tính ở động vật là

- cá thể có thể sống độc lập, đơn lẻ vẫn sinh sản bình thường
- đảm bảo sự ổn định về mặt di truyền qua các thế hệ cơ thể
- tạo ra số lượng lớn con cháu trong thời gian ngắn

D. có khả năng thích nghi cao với sự thay đổi của điều kiện môi trường

**Câu 3.** Dựa vào nơi phát triển phôi và sản phẩm sinh ra, hình thức sinh sản hữu tính có thể chia thành:

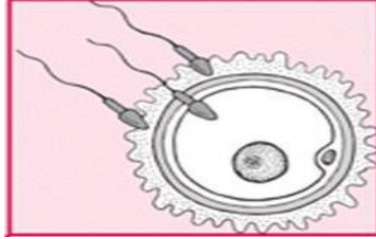
A. đẻ trứng và đẻ con.

B. đẻ trứng, đẻ con và trinh sinh.

C. đẻ trứng, đẻ trứng thai và đẻ con.

D. thụ tinh trong và thụ tinh ngoài.

**Câu 4.** Hình ảnh bên mô tả quá trình gì ?



A. sinh tinh. B. sinh trứng. C. thụ tinh. D. tạo thể vàng.

**Câu 5.** Trong cơ chế điều hòa sinh trứng, LH kích thích

A. phát triển nang trứng.

B. nang trứng chín và rụng trứng, hình thành và duy trì hoạt động của thể vàng

C. dạ con phát triển chuẩn bị cho hợp tử làm tổ.

D. tuyến yên tiết ra hoocmon

**Câu 6.** Ở nam giới, hoocmon nào sau đây sẽ kích thích quá trình sản sinh tinh trùng

A. GnRH, FSH, LH, testosterone

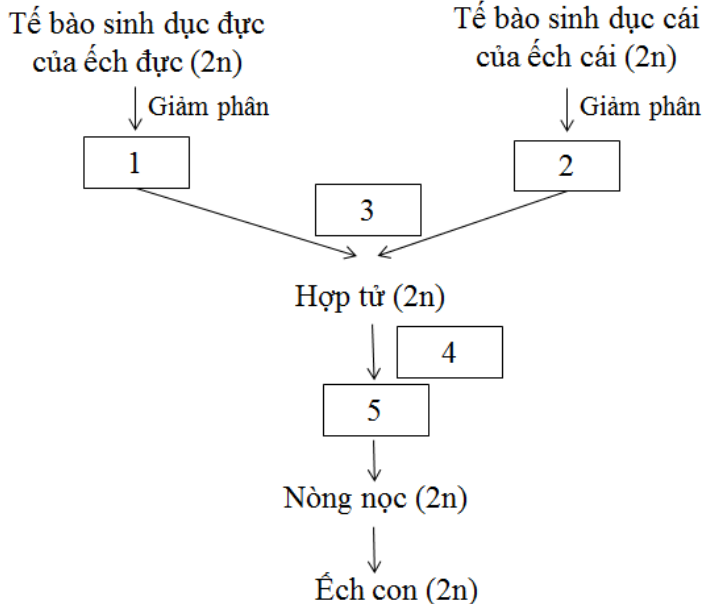
B. GnRH, FSH, LH, tiroxin

C. GnRH, FSH, LH, progesterone

D. FSH, LH, estrogen, progesteron

**Câu 7.** Hãy hoàn thành sơ đồ các giai đoạn trong quá trình sinh sản hữu tính của

ếch bằng cách điền từ hoặc cụm từ thích hợp vào các ô số 1, 2, 3, 4, 5 trong sơ đồ bên.



**Sơ đồ các giai đoạn trong quá trình sinh sản hữu tính ở ếch**

A. (1) Trứng ( $n$ ), (2) Tinh trùng ( $n$ ), (3) Thụ tinh, (4) Nguyên phân, (5) Phôi.

B. (1) Tinh trùng ( $n$ ), (2) Trứng ( $n$ ), (3) Thụ tinh, (4) Giảm phân, (5) Phôi.

C. (1) Trứng ( $n$ ), (2) Tinh trùng ( $n$ ), (3) Thụ tinh, (4) Giảm phân, (5) Phôi.

D. (1) Tinh trùng ( $n$ ), (2) Trứng ( $n$ ), (3) Thụ tinh, (4) Nguyên phân, (5) Phôi.

**Câu 8.** Testosterone nồng độ cao sẽ

A. ức chế tuyến yên và vùng dưới đồi tiết GnRH, FSH và LH

B. ức chế tuyến yên tiết GnRH, FSH và LH

C. kích thích tuyến yên và vùng dưới đồi tăng tiết GnRH, FSH và LH

D. ức chế vùng dưới đồi tiết GnRH, FSH và LH

**Câu 9.** Ý nào sau đây không phải là biện pháp tránh thai an toàn?

A. Sử dụng bao cao su.

B. Uống thuốc tránh thai.

C. Cắt que tránh thai.

D. Dùng xà phòng rửa âm đạo sau quan hệ.

**Câu 10.** Thụ tinh trong tiến hóa hơn thụ tinh ngoài là vì

- A. không nhất thiết phải cần môi trường nước
- B. không chịu ảnh hưởng của các tác nhân môi trường
- C. hạn chế tiêu tốn năng lượng
- D. cho hiệu suất thụ tinh cao

**Câu 11.** Khi so sánh điểm khác về vai trò của các hormone trong điều hòa quá trình sinh tinh và sinh trứng. Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

- I. Ở quá trình sinh tinh LH kích thích tế bào kẽ tiết ra hormone testosterone.
  - II. Ở quá trình sinh trứng LH làm nang trứng chín và trứng rụng.
  - III. Ở quá trình sinh trứng, LH làm thê vàng tiết ra progesterone và estrogen.
  - IV. Ở quá trình sinh trứng, FSH kích thích nang trứng phát triển và tiết ra progesterone.
- A. 1.                                      B. 2.                                      C. 3.                                      D. 4.

**Câu 12.** Có bao nhiêu nhận định đúng liên quan những biện pháp nhằm điều khiển quá trình sinh sản của động vật và người?

- I. Muốn sinh ra thế hệ con đực hay cái phục vụ nhu cầu con người, con người đã lọc, li tâm hai loại tinh trùng hay trứng rồi cho thụ tinh nhân tạo.
  - II. Ở người, thụ tinh trong ống nghiệm là phương pháp hỗ trợ sinh sản, sử dụng cho điều trị hiếm muộn.
  - III. Thụ tinh trong ống nghiệm là phương pháp cho trùng và trứng thụ tinh trong ống nghiệm để tạo ra phôi, sau đó phôi được chuyển vào buồng tử cung của phụ nữ để làm tổ và phát triển thành thai nhi.
  - IV. Để tạo ra tầm đực sản xuất tơ nhiều, người ta chiếu tia tử ngoại lên tầm sẽ tạo ra nhiều tầm đực hơn.
- A. 1.                                      B. 2.                                      C. 3.                                      D. 4.

**Câu 13.** Khi nói về hình thức sinh sản trinh sinh, chỉ ra phát biểu sai:

- A. Không cần sự tham gia của giao tử đực.      B. Xảy ra ở động vật bậc thấp.
- C. Chỉ sinh ra những cá thể mang giới tính đực.      D. Không có quá trình giảm phân.

## PHẦN II: CÂU HỎI ĐÚNG SAI

**Câu 1.** Mỗi mệnh đề sau là đúng hay sai khi nói về hình thức sinh sản của động vật?

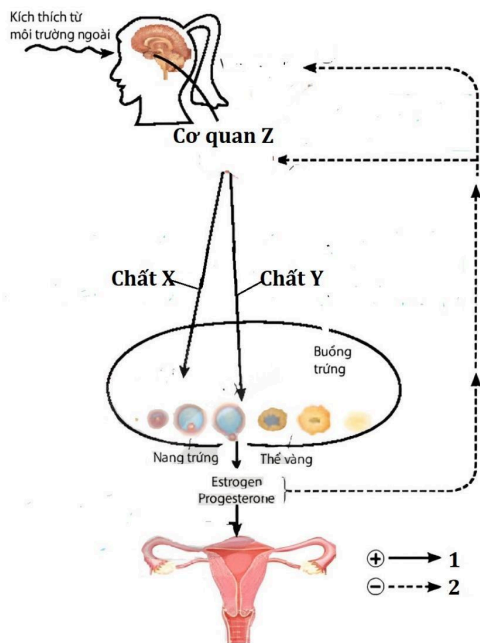
| Ý  | Mệnh đề                                                                                |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------|
| a. | Các hình thức sinh sản vô tính gồm: phân đôi, nảy chồi, phân mảnh, trinh sinh          |
| b. | Sinh sản ở hình thức phân đôi gặp ở hải quỳ, bọt biển, thủy tức.                       |
| c. | Phân mảnh là hình thức sinh sản mà cơ thể mới phát triển từ mảnh tách ra từ cơ thể mẹ. |
| d. | Trinh sinh thường gặp ở các loài chân đốt như ong, kiến, rệp.                          |

**Câu 2.** Mỗi mệnh đề sau là đúng hay sai khi nói về hình thức sinh sản của động vật?

| Ý  | Mệnh đề                                                                                                               |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| a. | Đẻ trứng thai gặp ở một số loài cá, một số loài bò sát và một số loài chân khớp.                                      |
| b. | Bò sát, chim và nhiều động vật không xương sống đẻ trứng, trứng thụ tinh trong cơ thể con cái.                        |
| c. | Đẻ con có ở tất cả loài Thú và người.                                                                                 |
| d. | Cá, lưỡng cư và nhiều loài động vật không xương sống đẻ trứng và trứng thụ tinh với tinh trùng trong môi trường nước. |

**Câu 3.** Hình sau mô tả cơ chế điều hòa sinh trưởng của cơ thể người phụ nữ. Mỗi mệnh đề sau là đúng hay sai khi nói cơ chế này?

| Ý  | Mệnh đề                                                                                                           |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| a. | Chất (X) và (Y) lần lượt là hormone (Z) là vùng dưới đồi tuyến yên                                                |
| b. | Quá trình (1) là kích thích, quá trình ngược trong đó bộ phận tiếp nhận não bộ, bộ phận điều khiển là vùng (yên). |
| c. | Một trong những ứng dụng của quá ngược là tạo ra thuốc tránh thai khả hormone estrogen và progesteron cao.        |
| d. | Căng thẳng thần kinh, lo âu, dùng chất thể gây hội chứng kinh nguyệt không đều.                                   |



|                                              |
|----------------------------------------------|
| FSH, LH, cơ                                  |
| là ức chế liên<br>kích thích là<br>đồi tuyến |
| liên hệ<br>với các<br>hàm lượng              |
| kích thích có                                |

### PHẦN III: TRẢ LỜI NGẮN

**Câu 1:** Trong các hình thức:

1. Phân đôi. 2. Nảy chồi. 3. Đẻ trứng. 4. Trinh sinh. 5. Phân mảnh. 6. Đẻ trứng thai.

Có bao nhiêu hình thức là hình thức sinh sản vô tính?

**Câu 2:** Trong các biện pháp:

1. Thụ tinh nhân tạo. 2. Cải tạo giống vật nuôi. 3. Nuôi cấy phôi. 4. Thay đổi yếu tố môi trường.

Có bao nhiêu biện pháp là biện pháp điều khiển số con ở động vật?

**Câu 3:** Có bao nhiêu hình thức sinh sản có ở động vật không xương sống và động vật có xương sống?

**Câu 4:** Có bao nhiêu hình thức sinh sản hữu tính?

### Bài 23: CƠ THỂ LÀ MỘT THỂ THỐNG NHẤT

**Câu 1.** Khi hệ hô hấp ngừng hoạt động, thì điều gì xảy ra?

- A. Các hệ khác hoạt động bình thường  
B. Trừ hệ sinh dục, các hệ khác đều dừng hoạt động  
C. Trừ hệ bài tiết, các hệ khác hoạt động bình thường  
D. Tất cả các hệ dừng hoạt động

**Câu 2.** Chọn nội dung phù hợp khi nói “cơ thể là hệ thống mở”

- A. Cơ thể lấy vào những chất cần thiết và thải ra những chất không cần thiết  
B. Cơ thể hấp thu ánh sáng từ môi trường cho hoạt động sống  
C. Cơ thể lấy  $O_2$  và thải ra  $CO_2$   
D. Cơ thể lấy thức ăn vào và thải chất thải ra môi trường

**Câu 3.** Một người thực hiện chạy dài. Khi chạy có mồ hôi chảy ra, tim đập nhanh. Hỏi có những hệ nào tham gia hoạt động mạnh khi người này chạy?

- A. Hệ bài tiết, hệ tuần hoàn, hệ hô hấp. B. Hệ tuần hoàn, hệ vận động, hệ hô hấp.  
C. Hệ bài tiết, hệ tuần hoàn, hệ vận động, hệ hô hấp. D. Hệ bài tiết, hệ vận động, hệ hô hấp.

**Câu 4.** Hệ tuần hoàn dẫn máu đến tất cả các hệ cơ quan, giúp vận chuyển các chất dinh dưỡng và oxygen tới tế bào, đưa các chất thải và carbon dioxide từ tế bào tới các cơ quan để thải ra ngoài. Đây là mối quan hệ của hệ nào?

- A. Hô hấp, bài tiết, tiêu hóa và tuần hoàn B. Hô hấp và thần kinh  
C. Hô hấp và bài tiết D. Hô hấp và nội tiết

**Câu 5.** Đọc thông tin dưới đây: "Về quần xã thực vật mà cụ thể là rừng nhiệt đới thì những cây ưa ánh sáng sẽ phát triển ở tầng trên cùng (thân cao to, tán lá rộng để có thể hấp thụ lượng ánh sáng tối đa), tiếp theo là tầng thân gỗ ưa sáng ở mức độ trung bình sẽ phát triển phía dưới tầng thân gỗ ưa sáng. tiếp nữa là tầng cây thân leo, cây ưa bóng râm, thân thảo sẽ phát triển ở gần sát mặt đất. Đây là ví dụ về sự phân tầng của thực vật trong rừng nhiệt đới"

Ví dụ trên thể hiện đặc điểm nào của thế giới sống?

- A. Thế giới sống liên tục tiến hóa
- B. Hệ thống tự điều chỉnh
- C. Tổ chức theo nguyên tắc thứ bậc
- D. Hệ thống mở

**Câu 6.** Mối liên hệ giữa hệ bài tiết và hệ tuần hoàn?

- A. Hệ bài tiết giúp thải các chất cặn bã, chất thừa trong trao đổi chất của hệ tuần hoàn
- B. Hệ bài tiết giúp thải các chất cặn bã, chất thừa trong trao đổi chất của tất cả các hệ cơ quan ra môi trường ngoài thông qua hệ tuần hoàn.
- C. Mỗi hệ đều có chức năng riêng và không có mối liên hệ
- D. Hệ bài tiết giúp thải các chất cặn bã, chất thừa trong trao đổi chất của tất cả các hệ cơ quan ra môi trường ngoài không qua hệ tuần hoàn

**Câu 7.** Mối quan hệ giữa hô hấp và quang hợp?

- A. Cả hai đều có chung nhiều sản phẩm trung gian và nhiều hệ Enzyme. Sản phẩm của quá trình quang hợp là chất hữu cơ và Oxy cung cấp nguyên liệu cho quá trình hô hấp. Sản phẩm của quá trình hô hấp là  $\text{CO}_2$  và  $\text{H}_2\text{O}$  lại cung cấp nguyên liệu cho quá trình quang hợp.
- B. Cả hai đều có chung nhiều sản phẩm trung gian và nhiều hệ Enzyme. Sản phẩm của quá trình quang hợp là chất hữu cơ và Oxy cung cấp nguyên liệu cho quá trình hô hấp. Sản phẩm của quá trình hô hấp là  $\text{O}_2$  và  $\text{H}_2\text{O}$  lại cung cấp nguyên liệu cho quá trình quang hợp.
- C. hai đều có chung nhiều sản phẩm trung gian và nhiều hệ Enzyme. Sản phẩm của quá trình quang hợp là chất hữu cơ và Oxy cung cấp nguyên liệu cho quá trình hô hấp. Sản phẩm của quá trình hô hấp là  $\text{CO}_2$  và  $\text{O}_2$  lại cung cấp nguyên liệu cho quá trình quang hợp.
- D. Mỗi quá trình đều có chức năng riêng và không có mối liên hệ.

## **PHẦN II: TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI**

**Câu 1.** Xét các nhận định sau về hai quá trình hấp thụ nước và thoát hơi nước ở thực vật, mỗi nhận định nào Đúng hay Sai?

- | Ý  | Mệnh đề                                                                                                                                                        |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| a. | Rễ hấp thụ nước và chất khoáng cung cấp cho các quá trình trao đổi chất cũng như hoạt động của các cơ quan phía trên như thân, lá.                             |
| b. | Quá trình thoát hơi nước ở lá cây tạo động lực cho sự hấp thụ nước và chất khoáng ở rễ cũng như cho phép $\text{CO}_2$ xâm nhập vào lá cung cấp cho quang hợp. |
| c. | Khi cây không được cung cấp đủ nước thì lượng nước vận chuyển lên cơ quan phía trên giảm nhưng quá trình thoát hơi nước vẫn không thay đổi.                    |
| d. | Hai quá trình hấp thụ nước và thoát hơi nước có mối quan hệ mật thiết với nhau nhưng cơ bản không làm ảnh hưởng lẫn nhau.                                      |

**Câu 2.** Xét các nhận định sau về hai quá trình quang hợp và hô hấp ở thực vật, mỗi nhận định nào Đúng hay Sai?

- | Ý  | Mệnh đề                                                                                                                                        |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| a. | Quang hợp sử dụng $\text{CO}_2$ và nước dưới tác dụng của ánh sáng do diệp lục hấp thụ để tổng hợp carbohydrate và giải phóng $\text{O}_2$ .   |
| b. | Quá trình quang hợp cung cấp các hợp chất hữu cơ, từ đó tổng hợp nên các vật chất sử dụng trong quá trình hô hấp để tạo năng lượng cho cơ thể. |

- c. Quang hợp sử dụng  $O_2$  và nước dưới tác dụng của ánh sáng do diệp lục hấp thụ để tổng hợp carbohydrate và giải phóng  $CO_2$ .
- d. Quang hợp và hô hấp là hai quá trình có mối quan hệ chặt chẽ nhưng không phụ thuộc lẫn nhau.

**Câu 3.** Xét các nhận định về cơ thể sinh vật, mỗi nhận định nào Đúng hay Sai?

**Ý**

**Mệnh đề**

- a. Sinh vật tồn tại trong môi trường và có mối liên hệ mật thiết với môi trường.
- b. Dưới tác động của môi trường, các quá trình sinh lý trong cơ thể sinh vật không bị thay đổi và cơ thể sinh vật có thể tự điều chỉnh để duy trì sự tồn tại và phát triển.
- c. Cơ thể sinh vật là một hệ thống mở và có khả năng tự điều chỉnh.
- d. Cơ thể sinh vật là một hệ thống tương đối khép kín nhưng có khả năng tự điều chỉnh.

**Câu 4.** Xét các nhận định sau, mỗi nhận định nào Đúng hay Sai?

**Ý**

**Mệnh đề**

- a. Ở thực vật, sự tự điều chỉnh thông qua điều hòa tương quan hormon thực vật dưới sự kiểm soát của đặc điểm di truyền và các yếu tố môi trường.
- b. Tự điều chỉnh ở thực vật nhờ cơ chế liên hệ ngược.
- c. Không giống như ở động vật, các quá trình sinh lý trong cơ thể thực vật chưa có mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhau.
- d. Các quá trình sinh lý trong cả cơ thể thực vật và động vật đều liên quan chặt chẽ với nhau, ảnh hưởng lẫn nhau.

**Câu 5.** Xét các nhận định sau, mỗi nhận định nào Đúng hay Sai?

**Ý**

**Mệnh đề**

- a. Trong cơ thể động vật diễn ra nhiều quá trình sinh lý như tiêu hóa, hô hấp, trao đổi nước, tuần hoàn,...
- b. Tuy mỗi quá trình sinh lý trong cơ thể động vật đảm nhận các chức năng khác nhau nhưng giữa chúng có mối quan hệ chặt chẽ.
- c. Cơ thể chỉ tồn tại, sinh trưởng, phát triển bình thường khi các hoạt động sinh lý này diễn ra nhịp nhàng.
- d. Trong quá trình sống, cơ thể động vật thường xuyên trao đổi chất và năng lượng với môi trường.

### **PHẦN III: TRẢ LỜI NGẮN**

**Câu 1.** Có bao nhiêu các quá trình sinh lý sau đây có trong cơ thể động vật?

1. Tiêu hóa. 2. Hô hấp. 3. Quang hợp. 4. Tuần hoàn. 5. Bài tiết 6. Trao đổi khoáng  
7. Trao đổi nước

**Câu 2.** Có bao nhiêu quá trình sau đây là quá trình sinh lý trong cơ thể thực vật?

1. Trao đổi nước. 2. Trao đổi khoáng. 3. Bài tiết. 4. Hô hấp. 5. Quang hợp. 6. Tuần hoàn.  
7. Tiêu hóa.

## **BÀI 24. MỘT SỐ NGÀNH NGHỀ LIÊN QUAN ĐẾN SINH HỌC CƠ THỂ**

### **PHẦN I: CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1.** Cho thông tin ở bảng sau:

| Lĩnh vực                                    | Ngành nghề                                                                                                           |
|---------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Y học<br>2. Trồng trọt, chăn nuôi, thú y | a. Bác sĩ<br>b. Điều dưỡng viên<br>c. Nhà bệnh học thực vật<br>d. Nhà chăn nuôi, bác sĩ thú y<br>e. Nhà thực vật học |

Khi nối các thông tin ở cột A và cột B, cách nối nào dưới đây là hợp lí?

A. 1 – ad, 2 – bc.

B. 1 – ab, 2 – cd.

C. 1 – bc, 2 – cde.

D. 1 – ab, 2 – cde.

**Câu 2.** Trong ngành y học, công nghệ sử dụng tế bào gốc tạo ra các mô, cơ quan thay thế các mô, cơ quan hư hỏng gọi là:

A. Công nghệ nano.

B. Công nghệ tế bào.

C. Chụp MRI.

D. Phòng sinh học.

**Câu 3.** Trong ngành y học, công nghệ dùng thuốc hướng đích tự tìm đến tế bào bị bệnh gọi là:

A. Công nghệ nano.

B. Công nghệ tế bào.

C. In 3D.

D. Phòng sinh học.

**Câu 4.** Cho thông tin ở bảng sau:

| Lĩnh vực                                                        | Ngành nghề                                                                                                                                        |
|-----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Nuôi trồng thủy sản, trồng trọt<br>2. Lâm nghiệp, môi trường | a. Kỹ sư môi trường<br>b. Kỹ thuật viên lâm nghiệp<br>c. Nhà bệnh học thực vật<br>d. Kỹ thuật viên nuôi trồng thủy sản<br>e. Kỹ sư điều chế thuốc |

Khi nối các thông tin ở cột A và cột B, cách nối nào dưới đây là hợp lí?

A. 1 – ade, 2 – bc.

B. 1 – ab, 2 – cd.

C. 1 – bc, 2 – cde.

D. 1 – cde, 2 – abe.

**Câu 5.** Các vị trí việc làm ở các lĩnh vực có liên quan đến sinh học cơ thể ngày càng nhiều do ...(1).... khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe của con người tăng và tăng nhu cầu đảm bảo an ninh lương thực và ...(2)... các sản phẩm nông nghiệp an toàn, chất lượng cao.

Các từ/cụm từ cần điền vào vị trí (1), (2) lần lượt là:

A. 1 – nhu cầu; 2 – sản xuất

B. 1 – năng lực; 2 – sản xuất

C. 1 – nhu cầu; 2 – tiêu thụ

D. 1 – năng lực; 2 – tăng gia

**Câu 6.** Một số ngành nghề liên quan đến sinh học cơ thể là:

A. Bác sĩ, nhân viên văn phòng, chuyên gia hoạch định chính sách.

B. Bác sĩ, chuyên gia hoạch định chính sách, giảng viên, đầu bếp.

C. Bác sĩ, điều dưỡng viên, diễn viên, kỹ sư.

D. Bác sĩ, điều dưỡng viên, giảng viên, kỹ sư.

## PHẦN 2: CÂU ĐÚNG SAI

**Câu 1.** Xét các nhận định sau, nhận định nào Đúng hay Sai?

| Ý  | Mệnh đề                                                                                                                                     | Đúng | Sai |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|-----|
| a. | Cơ thể con người luôn là đối tượng của ngành y học – dược học nên sinh học cơ thể là môn học không thể thiếu.                               | đ    |     |
| b. | Hiểu biết về giải phẫu, sinh lí học, sinh lí bệnh,... là cơ sở cho chẩn đoán, điều trị bệnh, điều chế thuốc và nâng cao sức khỏe.           | đ    |     |
| c. | Hiện nay sinh học cơ thể được nghiên cứu chỉ ở 1 cấp độ duy nhất.                                                                           |      | s   |
| d. | Các kỹ thuật tiên tiến như công nghệ tế bào, công nghệ nano,... đang được phát triển và áp dụng nhằm phát hiện, điều trị nâng cao sức khỏe. | đ    |     |

**Câu 2.** Xét các nhận định sau, nhận định nào Đúng hay Sai?

| Ý  | Mệnh đề                                                                                                  | Đúng | Sai |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|-----|
| a. | Các kiến thức về sinh học cơ thể mang đến nhiều tiềm năng và triển vọng trong việc lựa chọn nghề nghiệp. | đ    |     |

|    |                                                                                                                                                                                                                        |   |   |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|
| b. | Kiến thức về cơ thể người chỉ cần thiết trong một số ngành nghề thuộc các lĩnh vực đặc thù khác nhau như: y học, chăm sóc – bảo vệ sức khỏe, chăn nuôi, đào tạo, khoa học công nghệ,... với vị trí việc làm đa dạng.   |   | s |
| c. | Vị trí làm việc ở các lĩnh vực có liên quan đến sinh học cơ thể động vật, thực vật ngày càng tăng, do nhu cầu đảm bảo an ninh lương thực và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp an toàn, chất lượng cao ngày càng nhiều. | đ |   |
| d. | Mở ra nhiều cơ hội việc làm, giải quyết vấn đề lao động hiện nay; đáp ứng nhu cầu của thị trường, đem lại thu nhập cao cho người lao động.                                                                             | đ |   |

### PHẦN 3. TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN

**Câu 1.** Hoạt động nghề nghiệp của bác sĩ pháp y là:

(1) Giám định y khoa phục vụ cho việc phá án xét xử. (2) Khám nghiệm tử thi. (3) Kiểm tra tình trạng sức khỏe. (4) Kiểm tra các dấu hiệu thân thể bị xâm phạm. (5) Khám nghiệm hiện trường.

(6) Xây dựng bản đồ gen

Trong các nhận định trên, có bao nhiêu nhận định đúng?

**Đáp án: 5**

**Câu 2.** Hiện nay có bao nhiêu các các kỹ thuật tiên tiến sau đây của việc ứng dụng sinh học cơ thể vào ngành y học?

1. Công nghệ nano.

3. Công nghệ tế bào.

2. Chụp CT- Scanner.

4. Phòng sinh học.

5. Chụp MRI

6. Chụp cộng hưởng từ

7. Chụp X quang

**Đáp án: 3**

Gồm 1,3,4

**Câu 3.** Trong tương lai, các ngành nghề liên quan đến sinh học cơ thể thực vật, động vật và người đều có sự kết hợp bao nhiêu nhận định dưới đây:

(1) Công nghệ thông tin. (2) Trí tuệ nhân tạo. (3) Tự động hóa. (4) Sinh lí học

**Đáp án: 3**

Gồm 1,2,4

**Câu 4.** Trong tương lai, các lĩnh vực sinh học cơ thể hướng tới:

(1) Nông nghiệp an toàn, thông minh. (2) Sản xuất giống cây trồng vật nuôi với công nghệ cao.

(3) Khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe với hỗ trợ của phần mềm kết nối vạn vật và trí tuệ nhân tạo, liệu pháp tế bào gốc và vaccine, kháng thể đơn dòng.

(4) Xây dựng cơ thể người bất tử. (5) Sinh học vũ trụ, đại dương. (6) Phòng sinh học

(7) Nuôi cấy hoặc sản xuất các thiết bị thay thế cho các cơ quan bị khuyết thiếu hoặc không hoạt động của cơ thể người.

**Đáp án: 6**

Số nhận định đúng là: 6

Gồm 1,2,3,5,6,7